

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025**

Thời gian: 09h00 Thứ năm, ngày 30 tháng 10 năm 2025

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh (Km15+200, QL1A, thôn Yên Phú, Xã Ngọc Hồi, TP Hà Nội)

Stt	Nội dung	Thời gian
I. Khai mạc Đại hội		
1	Tuyên bố lý do, khai mạc Đại hội	09h00 – 09h05
2	Báo cáo biên bản kiểm tra tư cách đại biểu	09h05 – 09h10
3	Giới thiệu chủ tọa Đại hội	09h10 – 09h13
4	Chủ tọa đại hội chỉ định Đoàn thư ký	09h13 – 09h15
5	Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu; Chương trình đại hội; Quy chế tổ chức Đại hội	09h15 – 09h40
II. Chương trình nghị sự		
6	HDQT báo cáo các vấn đề trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua: Phương án đầu tư xe buýt điện phục vụ kinh doanh, lắp đặt trạm sạc, kế hoạch huy động vốn và các giao dịch mua bán/thanh lý tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	09h40 – 09h45
7	Thảo luận	09h45 – 10h05
8	Biểu quyết thông qua tờ trình	10h05 – 10h15
9	Nghỉ giải lao	10h15 – 10h25
10	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết Tờ trình	10h25 – 10h30
III. Bế mạc đại hội		
11	Thông quan biên bản và Nghị quyết Đại hội	10h30 – 10h45
12	Tuyên bố bế mạc	10h45

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY XÁC NHẬN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Tên cổ đông (đại diện tổ chức) :

Địa chỉ:, điện thoại.....

CCCD số:Cấp ngàynơi cấp.....

(Hoặc) Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

do.....cấp ngày ... tháng..... năm.....

Sở hữu:cổ phần (trên mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần).

Trong đó:CP phổ thông vàCP được ủy quyền.

Tôi/ Chúng tôi đã nhận được thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2025 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh, nay xác nhận sẽ tham dự Đại hội theo một trong hai hình thức dưới đây:

TRỰC TIẾP THAM DỰ ĐẠI HỘI:

☐

ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN:

☐

(Có giấy ủy quyền kèm theo)

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông tổng hợp./.

..... ngày tháng năm 2025

Chữ ký của cổ đông

(Ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)

Ghi chú:

- + Đề nghị quý vị cổ đông đánh dấu (X) vào ô tương ứng;
- + Nếu ủy quyền cho người khác, xin vui lòng gửi Giấy ủy quyền cho Cty.
- + Quý cổ đông đến dự họp đề nghị mang theo CCCD hoặc hộ chiếu.
- + Quý cổ đông gửi giấy đăng ký (giấy ủy quyền) trực tiếp về Phòng Hành chính nhân sự Công ty trước 16 giờ 00 ngày 24/10/2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



....., ngày tháng năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

1. BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Tên cá nhân:
Số CCCD/Hộ chiếu số:..... cấp ngày.....nơi cấp
Địa chỉ:
SĐT:.....
Số cổ phần sở hữu: cổ phần (bằng chữ:)
.....)

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (Bên B):

Tên cá nhân:
Số CCCD/ Hộ chiếu: cấp ngày.....nơi cấp
Địa chỉ:.....
Số cổ phần được ủy quyền:.....
(Bằng chữ:)

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2025.
- Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết về tất cả các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh được tổ chức vào ngày 27 tháng 10 năm 2025.

5. NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN:

- Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết để bên B thực hiện công việc được ủy quyền.
- Bên B có nghĩa vụ thực hiện đúng công việc mà bên A đã ủy quyền cho bên B, nếu vượt quá phạm vi công việc được ủy quyền bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh.
- Bên B không được ủy quyền cho bên thứ ba về việc thực hiện các công việc mà bên A đã ủy quyền cho bên B thực hiện.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



....., ngày tháng năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025

1. BÊN ỦY QUYỀN (Bên A):

Chúng tôi là nhóm cổ đông công tác tại:

Phòng/Ban/Bộ phận:

Do Ông/Bà: CCCD/Hộ chiếu số:.....; ngày cấp

nơi cấp

Địa chỉ:SĐT

Tổng số cổ phần chúng tôi nắm giữ: cổ phần (bằng chữ:

.....), chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Danh sách chi tiết đính kèm Giấy ủy quyền này)

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN (Bên B):

Tên cá nhân:

Số CCCD/ Hộ chiếu: cấp ngàynơi cấp

Địa chỉ:.....

Số cổ phần được ủy quyền:.....

(Bằng chữ:)

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2025.
- Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết về tất cả các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh được tổ chức vào ngày 27 tháng 10 năm 2025.

5. NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN:

- Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết để bên B thực hiện công việc được ủy quyền.
- Bên B có nghĩa vụ thực hiện đúng công việc mà bên A đã ủy quyền cho bên B, nếu vượt quá phạm vi công việc được ủy quyền bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh.
- Bên B không được ủy quyền cho bên thứ ba về việc thực hiện các công việc mà bên A đã ủy quyền cho bên B thực hiện.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)



ĐẠI DIỆN NHÓM ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2025



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU:

Họ và tên Đại biểu:
Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu:
Số lượng phiếu biểu quyết nhận uỷ quyền:
Tổng số lượng phiếu biểu quyết nhận đại diện:

Phiếu biểu quyết
Phiếu biểu quyết
Phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu			
Nội dung 02: Thông quan chương trình Đại hội			
Nội dung 03: Thông qua quy chế tổ chức Đại hội			

Hướng dẫn:

Quý đại biểu đánh dấu vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến
Đối với từng nội dung biểu quyết

Ngày 30 tháng 10 năm 2025
ĐẠI BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)



**PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU:**

Họ và tên Đại biểu:
 Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: Phiếu biểu quyết
 Số lượng phiếu biểu quyết nhận uỷ quyền: Phiếu biểu quyết
Tổng số lượng phiếu biểu quyết nhận đại diện: Phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Thông quan phương án đầu tư xe buýt điện phục vụ kinh doanh, lắp trạm sạc, kế hoạch huy động vốn và các giao dịch mua bán/thanh lý tài sản phụ vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.			

Hướng dẫn:

Quý đại biểu đánh dấu vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến
 Đối với từng nội dung biểu quyết

Ngày 30 tháng 10 năm 2025
ĐẠI BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG 2025



PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU:

Họ và tên Đại biểu:

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu:

Số lượng phiếu biểu quyết nhận uỷ quyền:

Tổng số lượng phiếu biểu quyết nhận đại diện:

Phiếu biểu quyết

Phiếu biểu quyết

Phiếu biểu quyết

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Biên bản đại hội			
Nội dung 02: Nghị quyết đại hội			

Hướng dẫn:

Quý đại biểu đánh dấu vào 1 trong 3 ô:

Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến

Đối với từng nội dung biểu quyết

Ngày 30 tháng 10 năm 2025

ĐẠI BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025



**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh;

Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh được điều hành và thực hiện theo Quy chế làm việc và biểu quyết sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường.

1. Các cổ đông của Công ty (theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/9/2025) đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh.
2. Các cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông (gọi chung là cổ đông) có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội.
3. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã được thông qua.
4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự điều hành của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự.
5. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn chủ tịch cho phép.
6. Người được uỷ quyền tham dự Đại hội không được uỷ quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

Điều 2. Đoàn chủ tịch Đại hội

1. Đoàn chủ tịch Đại hội có 03 người gồm: 01 chủ toạ và 02 thành viên do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua.
2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình
 - Trình dự thảo các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông để Đại hội biểu quyết.
 - Điều hành và giải đáp các vấn đề do cổ đông yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3: Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm: 01 người do Đoàn chủ tịch đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua. Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Thư ký:
 - Giúp đoàn chủ tịch kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (nếu cần)
 - Hỗ trợ đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu
 - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông và chuyển cho Đoàn chủ tịch điều hành
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội
 - Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội

Điều 4: Ban thẩm tra tư cách cổ đông

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm: 03 người do Ban tổ chức giới thiệu. Ban thẩm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách cổ đông:
 - Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm thẩm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội
 - Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5: Ban kiểm phiếu.

1. Ban Kiểm phiếu của Đại hội có 03 người gồm: 01 trưởng ban và 02 thành viên do Đoàn chủ tịch Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Điều hành hoạt động biểu quyết tại Đại hội; xác định chính xác và thông báo trước Đại hội về kết quả biểu quyết các nội dung được thực hiện tại Đại hội
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu đối với hình thức bỏ phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch. Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình

Điều 6: Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông
 - Cổ đông có ý kiến thảo luận đăng ký nội dung vào phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Thư ký Đại hội
 - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch
 - Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông
- Căn cứ nội dung yêu cầu giải đáp, Đoàn chủ tịch sẽ thực hiện giải đáp hoặc giới thiệu nhận sự phù hợp để giải đáp các ý kiến của cổ đông.
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông

- Biên bản đại hội và Nghị quyết đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Điều 8. Thi hành quy chế

Cổ đông, Người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo các quy định hiện hành.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LIÊN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr – HDQT/2025
(Thay thế Tờ trình số 17/TTr – HDQT/2025
ngày 06/10/2025 của Hội đồng quản trị)

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về Phương án đầu tư xe buýt điện phục vụ kinh doanh,
lắp đặt trạm sạc, kế hoạch huy động vốn và các giao dịch
mua bán/thanh lý tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

KÍNH GỬI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh (“**Công ty**”);
- Căn cứ Văn bản số 5750 ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và các văn bản hướng dẫn của các Sở, ban, ngành có liên quan về việc chấp thuận chủ trương chuyển đổi phương tiện xe buýt điện và quy định định mức áp dụng đối với xe buýt điện;
- Xét Tờ trình số: 1220/Ttr-VT&DVLN ngày 24/10/2025 của Giám đốc Công ty,

Hiện nay, UBND Thành phố Hà Nội đang đẩy nhanh quá trình chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng theo hướng xanh, thân thiện môi trường, theo đó, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6004/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 phê duyệt “**Đề án phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng bằng xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn Thành phố**” và Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 28/5/2025 về triển khai thực hiện Đề án. Theo lộ trình, toàn bộ xe buýt trợ giá trên địa bàn Thành phố sẽ được chuyển đổi sang xe buýt sử dụng năng lượng xanh trước năm 2030.

Đánh giá xe buýt điện là phương tiện vận hành thân thiện môi trường, việc chuyển đổi từ xe buýt diesel truyền thống sang xe buýt điện sẽ góp phần rất lớn cho việc cải thiện chất lượng không khí, giảm thiểu tác hại ô nhiễm lên người dân và phù hợp theo lộ trình chuyển đổi xanh của Thành phố Hà Nội. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án đầu tư xe buýt điện, lắp đặt trạm sạc, kế hoạch huy động vốn và các giao dịch mua bán/thanh lý tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nội dung chi tiết như sau:

1. Quy mô đầu tư: Đầu tư mới 111 xe buýt điện và 40 trạm sạc.

2. Tổng mức đầu tư dự kiến: tối đa là 504.000.000.000 đồng (Năm trăm linh tư tỷ đồng chẵn).

Cụ thể bao gồm:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
I	Nhu cầu phương tiện đầu tư	xe	111
II	Chi phí trực tiếp mua xe	Đồng	473.000.000.000

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Mua 26 xe buýt điện cỡ lớn	-nt-	174.000.000.000
2	Mua 72 xe buýt điện cỡ trung bình	-nt-	266.000.000.000
3	Mua 13 xe buýt điện cỡ nhỏ	-nt-	33.000.000.000
III	Chi phí đăng ký, lưu hành xe	-nt-	4.800.000.000
-	Lệ phí trước bạ, bảo hiểm, đăng ký, đăng kiểm và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ, bảo hiểm vật chất năm đầu tiên của 111 xe	-nt-	4.800.000.000
IV	Chi phí đầu tư 40 trạm sạc	-nt-	26.200.000.000
Tổng mức đầu tư = (II) + (III) +(IV)		-nt-	504.000.000.000

3. Cơ cấu và nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư bao gồm vốn vay ngân hàng, vốn tự có của Công ty và nguồn vốn huy động khác dự kiến như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1	Vốn vay	94%
2	Vốn của Công ty	6%
	Tổng cộng	100

Công ty thu xếp vốn tự có để thực hiện dự án từ giá trị khấu hao tài sản đã thu hồi đến 30/9/2025 (26,2 tỷ) và thanh lý tài sản sau khi trả vay ngân hàng (7,6 tỷ).

4. Kết quả tính toán một số chỉ tiêu khi thực hiện dự án

- Vòng đời dự án đánh giá hiệu quả tài chính: 7 năm.
- Thời gian khấu hao 111 xe mới và 40 trạm sạc: tính đều cho 8 năm.
- Doanh thu bình quân/năm: 234,6 tỷ đồng/01 năm
- Lợi nhuận sau thuế bình quân/năm: 13,1 tỷ/01 năm
- Giá trị khấu hao 111 xe và 40 trạm sạc: 62,3 tỷ đồng/ 01 năm.
- Thời gian hoàn trả vốn vay ngân hàng: 07 năm
- Thời gian hoàn trả vốn vay cổ đông: 07 năm
- Tỷ suất chiết khấu: 9 %. NPV: 2,8 tỷ đồng
- IRR: 9,15%.
- Thời gian hoàn vốn tĩnh: 5,4 năm.
- Thời gian hoàn vốn động: 6,9 năm.

Các chỉ tiêu hiệu quả tài chính (NPV, IRR, thời gian hoàn vốn...) đều ở mức khả thi, đảm bảo khả năng thu hồi vốn và duy trì hiệu quả vận hành trong suốt vòng đời dự án chi tiết Theo các phụ lục đi kèm.

5. Phương án bán/thanh lý tài sản:

Giá trị còn lại của tài sản đến 30/9/2025 là 34,3 tỷ (chiếm 23,5% tổng giá trị tài sản theo BCTC năm 2024 là 146 tỷ đồng).

Hình thức thanh lý: Thuê đơn vị thẩm định giá để làm căn cứ xác định giá khởi điểm, lựa chọn công khai công ty tổ chức bán đấu giá theo quy định. Dự kiến hình thức đấu giá theo lô hoặc theo xe theo nhu cầu của khách hàng nhằm đảm bảo giá trị thu về cao nhất. Đấu giá công khai minh bạch, đạt hiệu quả cao.

Tổng giá trị tài sản thu hồi khi thanh lý: Giá trị thực tế thu hồi khi thanh lý tối thiểu không thấp hơn giá trị còn lại trên sổ sách, trả nợ đầy đủ các khoản vay ngân hàng khi đầu tư tài sản (nếu có). Trong trường hợp giá trị thanh lý thấp hơn giá trị còn lại trên sổ sách công ty sẽ báo cáo xin ý kiến của HĐQT.

6. Triển khai thực hiện

Ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty quyết định các nội dung chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện công việc có liên quan theo chủ trương đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm:

- Lựa chọn thời điểm thích hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án đầu tư xe buýt điện, lắp đặt trạm sạc, kế hoạch huy động vốn và các giao dịch mua bán/thanh lý tài sản;
- Xem xét, quyết định toàn bộ các vấn đề, nội dung có liên quan; thực hiện thủ tục cần thiết theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước trong quá trình triển khai đầu tư thay thế phương tiện nêu trên;
- Quyết định lựa chọn đối tác, nhà cung cấp giao kết hợp đồng để thực hiện các công việc thuộc chủ trương phê duyệt, bao gồm cả các giao dịch với bên liên quan (nếu có), đồng thời quyết định các nội dung, điều khoản chi tiết của các thỏa thuận, hợp đồng và các nội dung khác trong quá trình thực hiện;
- Xem xét, quyết định phương án vay vốn, bao gồm các điều kiện về lãi suất, thời hạn vay và tài sản bảo đảm phù hợp, nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn vốn phục vụ hoạt động đầu tư;
- Quyết định các vấn đề khác có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện, nhằm đảm bảo hiệu quả, tiến độ thực hiện và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Công Nhật

PHỤ LỤC 1A: BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ DỰ ÁN THAY THẾ XE ĐIỆN

Phương án Công ty đầu tư 111 xe điện - 40 trụ sạc

			01/12/2025	01/12/2026	01/12/2027	01/12/2028	01/12/2029	01/12/2030	01/12/2031	01/12/2032	
			1	2	3	4	5	6	7		
STT	Nội dung	Tỷ lệ/Giá trị	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Tổng	
1	Tổng doanh thu		231.417.040.770	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846	1.642.315.059.846
2	Tổng chi phí sản xuất		217.708.271.632	223.108.231.423	221.897.382.815	219.386.373.997	217.108.586.976	215.006.007.842	213.084.646.950	1.527.299.501.635	
3	Lợi nhuận trước thuế (1-2)		13.708.769.138	12.041.438.423	13.252.287.031	15.763.295.849	18.041.082.871	20.143.662.004	22.065.022.896	115.015.558.211	
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	2.741.753.828	2.408.287.685	2.650.457.406	3.152.659.170	3.608.216.574	4.028.732.401	4.413.004.579	23.003.111.642	
5	Lợi nhuận sau thuế (3-4)		10.967.015.310	9.633.150.738	10.601.829.625	12.610.636.679	14.432.866.296	16.114.929.603	17.652.018.317	92.012.446.569	
6	Đầu tư ban đầu	503.328.299.826									
7	Trả lãi vay		30.651.369.646	33.243.981.547	27.333.940.383	21.423.899.219	15.513.858.055	9.603.816.891	3.693.775.727	141.464.641.468	
8	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay EBIT		44.360.138.783	45.285.419.969	40.586.227.414	37.187.195.068	33.554.940.926	29.747.478.895	25.758.798.624	256.480.199.678	
9	Khấu hao TSCĐ		62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	436.163.244.956	
10	Thu hồi TSCĐ								73.881.560.357		
11	Trả nợ gốc hàng năm		97.789.498.252	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	503.328.299.826	
12	Dòng tiền cuối kỳ hàng năm	(503.328.299.826)	97.797.146.020	98.537.370.969	94.778.016.925	92.058.791.048	89.152.987.734	86.107.018.110	156.797.634.249	692.643.444.635	
13	Tỷ suất chiết khấu	9,00%	9,00%	9,00%	9,00%	9,00%	9,00%	9,00%	9,00%	9,00%	
14	Dòng tiền chiết khấu	(503.328.299.826)	89.722.152.312	82.936.933.734	73.186.018.942	65.216.768.479	57.943.324.911	51.342.801.514	85.773.675.445	2.793.375.510	
15	NPV	2.793.375.510									
16	IRR	9,152%									
17	Thời gian hoàn vốn tĩnh	5,4 năm	(405.531.153.806)	(306.993.782.836)	(212.215.765.912)	(120.156.974.864)	(31.003.987.129)	55.103.030.981	211.900.665.230		
18	Thời gian hoàn vốn động	6,9 năm	(413.606.147.514)	(330.669.213.780)	(257.483.194.838)	(192.266.426.359)	(134.323.101.448)	(82.980.299.934)	2.793.375.510		

Ghi chú: Tính toán hiệu quả dự án sẽ không bao gồm chi phí khác; thu nhập khác; lãi vay chu kỳ cũ

Phân tích tài chính
Phương án Công ty đầu tư 111 xe điện - 40 trụ sạc

Chỉ tiêu	ĐVT	1 Năm 1	2 Năm 2	3 Năm 3	4 Năm 4	5 Năm 5	6 Năm 6	7 Năm 7
Doanh thu năm	VNĐ	231.417.040.770	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846	235.149.669.846
Tổng chi phí năm	VNĐ	217.708.271.632	223.108.231.423	221.897.382.815	219.386.373.997	217.108.586.976	215.006.007.842	213.084.646.950
Tổng chi phí trực tiếp	VNĐ	124.747.866.993	127.555.214.883	132.254.407.439	135.653.439.784	139.285.693.927	143.093.155.957	147.081.836.229
Khấu hao	VNĐ	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994
Lãi vay	VNĐ	30.651.369.646	33.243.981.547	27.333.940.383	21.423.899.219	15.513.858.055	9.603.816.891	3.693.775.727
Tổng chi phí tính thuế TNDN	VNĐ	217.708.271.632	223.108.231.423	221.897.382.815	219.386.373.997	217.108.586.976	215.006.007.842	213.084.646.950
Thuế TNDN (20%)	VNĐ	2.741.753.828	2.408.287.685	2.650.457.406	3.152.659.170	3.608.216.574	4.028.732.401	4.413.004.579
LN sau thuế	VNĐ	10.967.015.310	9.633.150.738	10.601.829.625	12.610.636.679	14.432.866.296	16.114.929.603	17.652.018.317
LN sau thuế & chưa lãi vay	VNĐ	41.618.384.956	42.877.132.285	37.935.770.007	34.034.535.898	29.946.724.352	25.718.746.494	21.345.794.044

Ghi chú: Cơ sở ước tính doanh thu dựa vào định mức chi phí dự kiến khi chuyển sang xe buýt điện theo văn bản số 14234/SXD-TCĐT và số 13211/STC-TCHCNS cùng ngày 22/10/2025 về việc chuyển đổi phương tiện từ xe buýt nhiên liệu diesel sang sử dụng xe buýt điện đối với 06 tuyến buýt đang thực hiện theo hợp đồng thầu của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Liên Ninh và Văn bản số 5750/UBND-ĐT ngày 24/10/2025 của UBND Thành phố Hà Nội. Cụ thể:

- Tuyến số 21 (xe lớn): Áp dụng ngay định mức xe buýt điện lớn từ T12/2025
- Tuyến số 08, 09, 19, 37, 125 (xe trung bình, nhỏ): Trong thời gian chưa có định mức xe điện, áp dụng định mức của xe diesel (Kế hoạch UB giao phải hoàn thành trong năm 2025, phương án tính an toàn chậm nhất tháng 3/2026 UB sẽ ban hành).

+ Từ tháng 12/2025 đến tháng 3/2026: Áp dụng đơn giá chi phí xe diesel

+ Từ tháng 4/2026 trở đi áp dụng định mức chi phí xe buýt điện, với giá định tăng 5% so với xe buýt dầu. Đây là mức giá định thấp, thực tế có thể cao hơn (Cơ sở tham chiếu: đơn giá xe buýt điện lớn là 27.498 đồng/km, cao hơn 18.6% đơn giá xe buýt Diesel là 23.254 đồng/km)

Bảng tổng hợp cơ sở tính toán đơn giá theo loại phương tiện và mã tuyến:

Mã tuyến	08A	08B	09A	09B	19	21A	21B	37	125
Chi phí theo thầu xe điện (dự kiến)	23.864	23.864	23.857	23.857	23.427	27.482	27.482	23.432	17.436
Chi phí theo thầu xe dầu (đ/km)	22.727	22.727	22.721	22.721	22.311	22.402	22.395	22.316	13.062
Tỷ lệ trợ giá theo thầu cũ	79%	80%	80%	80%	80%	74%	79%	80%	85%
Đơn giá trợ giá xe điện (đ/km)	18.579	19.082	19.052	19.030	18.659	20.448	21.769	18.630	14.830
Đơn giá trợ giá xe dầu (đ/km)	17.443	18.173	18.144	18.124	17.770	16.083	17.739	17.743	11.109

- Cơ sở ước tính chi phí dựa vào báo giá xe buýt điện các cỡ lớn, trung bình, nhỏ đang lưu hành tại Hà Nội, đã tính các yếu tố lạm phát.

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VAY VÀ TÍNH LÃI VAY

Phương án Công ty đầu tư 111 xe điện - 40 trụ sạc

			1	2	3	4	5	6	7
TT	Nội dung	Tổng vốn/Thời gian	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7
1	Vay đầu tư	473.128.601.836							
2	Lợi nhuận sau thuế		10.967.015.310	9.633.150.738	10.601.829.625	12.610.636.679	14.432.866.296	16.114.929.603	17.652.018.317
3	Khấu hao tài sản cố định		62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994	62.309.034.994
4	Thu hồi tài sản cố định		30.199.697.990						73.881.560.357
5	Tổng thu nhập của dự án		134.127.117.939	105.186.167.279	100.244.805.001	96.343.570.892	92.255.759.345	88.027.781.488	157.536.389.395
6	Trả gốc vay		97.789.498.252	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262
7	Lãi suất vay	9%/ năm							
8	Trả lãi vay		30.651.369.646	33.243.981.547	27.333.940.383	21.423.899.219	15.513.858.055	9.603.816.891	3.693.775.727
9	Trả lãi vay + gốc		128.440.867.897	100.833.781.809	94.923.740.645	89.013.699.481	83.103.658.317	77.193.617.154	71.283.575.990
	Chênh lệch		5.686.250.042	4.352.385.470	5.321.064.356	7.329.871.411	9.152.101.028	10.834.164.335	86.252.813.405

TÍNH TOÁN CHI PHÍ LÃI VAY DỰ ÁN

Thông tin chung

Tổng giá trị đầu tư:	503.328.299.826
Vốn vay ngân hàng:	352.000.000.000
Vốn tự có:	30.199.697.990
Nguồn khác:	121.128.601.836
Lãi suất ngân hàng theo năm:	9%/ năm
Lãi suất vay cổ đông:	8%/ năm
Thời gian vay:	7 năm

Bảng 1: Nghĩa vụ trả nợ

Chỉ tiêu	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6	Năm thứ 7	Tổng
Trả lãi vay	30.651.369.646	33.243.981.547	27.333.940.383	21.423.899.219	15.513.858.055	9.603.816.891	3.693.775.727	141.464.641.468
Trả gốc	97.789.498.252	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	67.589.800.262	503.328.299.826
Tổng số tiền trả	128.440.867.897	100.833.781.809	94.923.740.645	89.013.699.481	83.103.658.317	77.193.617.154	71.283.575.990	644.792.941.294
Số dư tiền vay	405.538.801.574	337.949.001.312	270.359.201.049	202.769.400.787	135.179.600.525	67.589.800.262	0	

Bảng 2: Lịch trả nợ vay ngân hàng chi tiết theo kỳ

Năm	Kỳ	Số dư đầu kỳ	Lãi suất	Chi phí lãi vay	Trả gốc (cuối kỳ)	Số dư cuối kỳ	Ghi chú
1	1	352.000.000.000	7,00%	6.160.000.000	12.571.428.571	339.428.571.429	
1	2	339.428.571.429	7,00%	5.940.000.000	12.571.428.571	326.857.142.857	
1	3	326.857.142.857	7,00%	5.720.000.000	12.571.428.571	314.285.714.286	
1	4	314.285.714.286	7,00%	5.500.000.000	12.571.428.571	301.714.285.714	
2	1	301.714.285.714	9,00%	6.788.571.429	12.571.428.571	289.142.857.143	
2	2	289.142.857.143	9,00%	6.505.714.286	12.571.428.571	276.571.428.571	
2	3	276.571.428.571	9,00%	6.222.857.143	12.571.428.571	264.000.000.000	
2	4	264.000.000.000	9,00%	5.940.000.000	12.571.428.571	251.428.571.429	
3	1	251.428.571.429	9,00%	5.657.142.857	12.571.428.571	238.857.142.857	
3	2	238.857.142.857	9,00%	5.374.285.714	12.571.428.571	226.285.714.286	
3	3	226.285.714.286	9,00%	5.091.428.571	12.571.428.571	213.714.285.714	
3	4	213.714.285.714	9,00%	4.808.571.429	12.571.428.571	201.142.857.143	
4	1	201.142.857.143	9,00%	4.525.714.286	12.571.428.571	188.571.428.571	
4	2	188.571.428.571	9,00%	4.242.857.143	12.571.428.571	176.000.000.000	
4	3	176.000.000.000	9,00%	3.960.000.000	12.571.428.571	163.428.571.429	
4	4	163.428.571.429	9,00%	3.677.142.857	12.571.428.571	150.857.142.857	
5	1	150.857.142.857	9,00%	3.394.285.714	12.571.428.571	138.285.714.286	
5	2	138.285.714.286	9,00%	3.111.428.571	12.571.428.571	125.714.285.714	
5	3	125.714.285.714	9,00%	2.828.571.429	12.571.428.571	113.142.857.143	
5	4	113.142.857.143	9,00%	2.545.714.286	12.571.428.571	100.571.428.571	
6	1	100.571.428.571	9,00%	2.262.857.143	12.571.428.571	88.000.000.000	
6	2	88.000.000.000	9,00%	1.980.000.000	12.571.428.571	75.428.571.429	
6	3	75.428.571.429	9,00%	1.697.142.857	12.571.428.571	62.857.142.857	
6	4	62.857.142.857	9,00%	1.414.285.714	12.571.428.571	50.285.714.286	
7	1	50.285.714.286	9,00%	1.131.428.571	12.571.428.571	37.714.285.714	
7	2	37.714.285.714	9,00%	848.571.429	12.571.428.571	25.142.857.143	
7	3	25.142.857.143	9,00%	565.714.286	12.571.428.571	12.571.428.571	
7	4	12.571.428.571	9,00%	282.857.143	12.571.428.571	0	

Bảng 3: Lịch trả nợ vay cổ đông chi tiết theo kỳ

Năm	Kỳ	Số dư đầu kỳ	Lãi suất	Chi phí lãi vay	Trả gốc (cuối kỳ)	Số dư cuối kỳ	Ghi chú
1	1	151.328.299.826	6,00%	2.269.924.497	34.525.719.484	116.802.580.342	Kỳ đầu tiên vay thêm cổ đông 31 tỷ do chờ dòng tiền bán xe
1	2	116.802.580.342	6,00%	1.752.038.705	4.326.021.494	112.476.558.848	Trả nợ 31 tỷ tiền bán xe
1	3	112.476.558.848	6,00%	1.687.148.383	4.326.021.494	108.150.537.354	
1	4	108.150.537.354	6,00%	1.622.258.060	4.326.021.494	103.824.515.860	
2	1	103.824.515.860	8,00%	2.076.490.317	4.326.021.494	99.498.494.366	
2	2	99.498.494.366	8,00%	1.989.969.887	4.326.021.494	95.172.472.871	
2	3	95.172.472.871	8,00%	1.903.449.457	4.326.021.494	90.846.451.377	
2	4	90.846.451.377	8,00%	1.816.929.028	4.326.021.494	86.520.429.883	
3	1	86.520.429.883	8,00%	1.730.408.598	4.326.021.494	82.194.408.389	
3	2	82.194.408.389	8,00%	1.643.888.168	4.326.021.494	77.868.386.895	
3	3	77.868.386.895	8,00%	1.557.367.738	4.326.021.494	73.542.365.401	
3	4	73.542.365.401	8,00%	1.470.847.308	4.326.021.494	69.216.343.907	
4	1	69.216.343.907	8,00%	1.384.326.878	4.326.021.494	64.890.322.412	
4	2	64.890.322.412	8,00%	1.297.806.448	4.326.021.494	60.564.300.918	
4	3	60.564.300.918	8,00%	1.211.286.018	4.326.021.494	56.238.279.424	

4	4	56.238.279.424	8,00%	1.124.765.588	4.326.021.494	51.912.257.930	
5	1	51.912.257.930	8,00%	1.038.245.159	4.326.021.494	47.586.236.436	
5	2	47.586.236.436	8,00%	951.724.729	4.326.021.494	43.260.214.942	
5	3	43.260.214.942	8,00%	865.204.299	4.326.021.494	38.934.193.447	
5	4	38.934.193.447	8,00%	778.683.869	4.326.021.494	34.608.171.953	
6	1	34.608.171.953	8,00%	692.163.439	4.326.021.494	30.282.150.459	
6	2	30.282.150.459	8,00%	605.643.009	4.326.021.494	25.956.128.965	
6	3	25.956.128.965	8,00%	519.122.579	4.326.021.494	21.630.107.471	
6	4	21.630.107.471	8,00%	432.602.149	4.326.021.494	17.304.085.977	
7	1	17.304.085.977	8,00%	346.081.720	4.326.021.494	12.978.064.482	
7	2	12.978.064.482	8,00%	259.561.290	4.326.021.494	8.652.042.988	
7	3	8.652.042.988	8,00%	173.040.860	4.326.021.494	4.326.021.494	
7	4	4.326.021.494	8,00%	86.520.430	4.326.021.494	0	

Phụ lục 3: VỐN ĐẦU TƯ VÀ CHI PHÍ CHI TIẾT

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
I	Nhu cầu phương tiện đầu tư	xe	111
II	Chi phí trực tiếp đầu tư phương tiện	vnd	472.348.800.000
III	Chi phí đăng ký lưu hành phương tiện	vnd	4.856.019.876
IV	Chi phí đầu tư trạm sạc	vnd	26.123.479.950
V	Tổng mức đầu tư	vnd	503.328.299.826
	Vốn vay ngân hàng (70% Tổng mức đầu tư)	vnd	352.000.000.000
	Vốn của Công ty (từ thanh lý xe)	vnd	30.199.697.990
	Vốn huy động khác (từ vay cổ đông)	vnd	121.128.601.836